

Bản án số: 167/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí N, sinh năm: 1992; cư trú tại: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Bảo Y, sinh năm: 1993; cư trú tại: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Chí N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Y chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống đến giữa năm 2017, chị Y bỏ nhà đi cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh yêu cầu được ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Anh chị có hai người con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 23/9/2011 và Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 19/12/2014, hiện đang sống cùng anh N. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, chị Y đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Chí N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Bảo Y đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N, chị Y là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị Y chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NC, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo anh N xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Đối với chị Y đã nhận được văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh N. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Dó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh N được ly hôn chị Y.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và cháu K của anh N thấy rằng: Hiện tại hai cháu sống chung với anh N, cuộc sống của hai cháu đã ổn định, trong thời gian sống chung với anh N anh vẫn đảm bảo lo cho hai cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Theo biên bản ghi nguyện vọng con chung hai cháu có nguyện vọng sống chung với anh N. Đối với chị Y đã nhận đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt và không thể hiện yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu N và cháu K cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Chí N, cho anh Nguyễn Chí N được ly hôn chị Nguyễn Bảo Y.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 23/9/2011 và cháu Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 19/12/2014 cho anh Nguyễn Chí N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Bảo Y không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Chí N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0011685 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Chí N và chị Nguyễn Bảo Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã NC;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng